

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2020

"V/v Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và ông Phạm Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Thanh N - Sinh năm 1980**

Nơi cư trú: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh **Hán Văn V - Sinh năm 1977**

Nơi cư trú: Khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Chị N có mặt, anh V vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh N trình bày về nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh Hán Văn V tự nguyện kết hôn ngày 15/3/2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đỗ Sơn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình anh V được khoảng 02 năm sau đó anh V vào miền Nam để làm ăn. Thời gian vợ chồng chung sống được khoảng 04 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm lối sống, anh V còn thường xuyên đánh chửi chị, không quan

tâm đến chị và gia đình, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận và không có hạnh phúc. Cho đến nay anh V vẫn thường xuyên đi làm ăn xa, vợ chồng đã sống ly thân từ gần 10 năm nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị xác định tình cảm đối với anh V không còn vì vậy yêu cầu được ly hôn với anh Hán Văn V.

- Về con chung: Chị và anh Hán Văn V có với nhau 01 con chung là Hán Quốc C; sinh ngày 24/6/2002. Hiện nay thì con chung đã thành niên tự lo được cuộc sống nên chị không yêu cầu giải quyết về giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị và anh V không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn là anh Hán Văn V đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt mà không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn là anh Hán Văn V vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh N và anh Hán Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống đã phát sinh bất đồng về quan điểm, lối sống làm phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa thuận, hậu quả là vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay. Kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi chị N, anh V cư trú được biết từ nhiều năm nay vợ chồng chị N, anh V đã không còn sống chung. Như vậy, có căn cứ để khẳng định chị N, anh V đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân cũng đã không còn tồn tại từ nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị N là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị Thanh N và anh Hán Văn V có với nhau 01 con chung là Hán Quốc C; sinh ngày 24/6/2002. Do con chung hiện nay đã thành niên và chị N không yêu cầu giải quyết về giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị Bùi Thị Thanh N trình bày không có, nhưng do anh bị đơn là anh V vắng mặt nên chưa có căn cứ để

giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Bùi Thị Thanh N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm, xác định trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Thanh N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị Bùi Thị Thanh N được ly hôn anh Hán Văn V.

- Về con chung: Xác nhận chị Bùi Thị Thanh N và anh Hán Văn V có 01 con chung là Hán Quốc C; sinh ngày 24/6/2002 đã thành niên, không yêu cầu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không giải quyết trong vụ án này mà sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh N phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo “*Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2019/0002164 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ